CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 329/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13;

Căn cứ Luật Phá sản số 51/2014/QH13;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành khoản 4 Điều 10; điểm b, d, đ khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 12; Điều 16; Điều 17 và Điều 31 của Nghị quyết số 222/2025/QH15 về thành lập, tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm tài chính) và quản lý ngoại hối, phòng chống

rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Thành viên là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là ngân hàng thành viên).

2. Các cá nhân, tổ chức (bao gồm cả thành viên) thực hiện giao dịch ngoại hối với thành viên.

3. Đối tượng báo cáo theo quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống rửa tiền (sau đây gọi là đối tượng báo cáo).

4. Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính (sau đây gọi là Cơ quan điều hành), Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính (sau đây gọi là Cơ quan giám sát), Cơ quan giải quyết tranh chấp Trung tâm tài chính (sau đây gọi là Cơ quan giải quyết tranh chấp).

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bên đi vay trong nước là tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam có giao dịch vay từ thành viên.

2. Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và phát hành thẻ tín dụng.

3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên) là chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên là tổ chức kinh tế không có tư cách pháp nhân, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 và Nghị định này. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Trung tâm tài chính.

5. Chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ là chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng phù hợp với quy định pháp luật của nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính, Nghị quyết số 222/2025/QH15 và Nghị định này.

6. Doanh nghiệp thành viên là thành viên không là ngân hàng thành viên.

7. Đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của thành viên là việc chuyển vốn ra nước ngoài để đầu tư dưới các hình thức: Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý và thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại nước ngoài.

8. Đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của thành viên là việc chuyển vốn ra nước ngoài để đầu tư dưới hình thức mua, bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài.

9. Giấy phép là Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thành viên do Cơ quan điều hành tại thành phố cấp; văn bản của Cơ quan điều hành tại thành phố về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.

10. Khoản nợ được mua, bán là khoản nợ bằng ngoại tệ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh của ngân hàng thành viên, tổ chức tín dụng Việt Nam đối với khách hàng không là ngân hàng thành viên, không là tổ chức tín dụng Việt Nam, không là tổ chức tín dụng nước ngoài.

11. Mua, bán nợ là thỏa thuận bằng văn bản về việc chuyển giao quyền đòi nợ đối với khoản nợ được mua, bán, theo đó bên bán nợ chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ được bán cho bên mua nợ và nhận tiền thanh toán từ bên mua nợ.

12. Ngân hàng thương mại trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là ngân hàng thương mại không là thành viên) là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nhằm mục tiêu lợi nhuận.

13. Ngân hàng thương mại thành viên là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 và Nghị định này nhằm mục tiêu lợi nhuận. Ngân hàng thương mại thành viên bao gồm ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài (sau đây gọi là ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài) và ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn trong nước (sau đây gọi là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước).

14. Người có liên quan được xác định như sau:

a) Đối với ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 222/2025/QH15, ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước (sau đây gọi là ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán), người có liên quan được xác định theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Đối với ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 222/2025/QH15 (sau đây gọi là ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán), người có liên quan được xác định theo quy định của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ.

15. Người điều hành ngân hàng thương mại thành viên bao gồm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên.

16. Người quản lý ngân hàng thương mại thành viên bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên.

17. Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn theo nguyên tắc có hoàn trả trên cơ sở thỏa thuận cho tổ chức, cá nhân gửi tiền (sau đây gọi là người gửi tiền).

18. Sản phẩm phái sinh là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc bao gồm lãi suất, ngoại hối, tiền tệ.

19. Tài khoản thanh toán là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại ngân hàng thành viên để sử dụng dịch vụ thanh toán do ngân hàng thành viên cung ứng.

20. Tổ chức tín dụng trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là tổ chức tín dụng không là thành viên) là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và không phải thành viên Trung tâm tài chính.

21. Tổ chức tín dụng nước ngoài là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.

22. Tổ chức tín dụng Việt Nam bao gồm tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên.

23. Tổ chức tài chính nước ngoài là tổ chức tài chính được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.

24. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác là việc bên cung ứng dịch vụ tư vấn thực hiện một hoặc một số hoạt động, bao gồm thu thập, xử lý thông tin, vận dụng kiến thức chuyên môn, phát hiện vấn đề, đánh giá vấn đề để đề xuất giải pháp, phương án một cách độc lập, khách quan hoặc giới thiệu sản phẩm, dịch vụ, giao dịch theo yêu cầu của khách hàng.

25. Vốn điều lệ của ngân hàng thành viên là tổng số tiền do chủ sở hữu đã góp cho ngân hàng thương mại thành viên hoặc là tổng số tiền do ngân hàng mẹ đã cấp cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên.

26. Vốn tự có gồm giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán cộng một số quỹ dự trữ, cộng một số tài sản nợ khác, trừ các khoản phải giảm trừ. Việc xác định vốn tự có thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

27. Các từ ngữ sau được định nghĩa theo quy định tại Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng: Bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, chiết khấu, cho vay, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản, hoạt động ngân hàng, môi giới tiền tệ, thư tín dụng, vốn pháp định.

Điều 4. Hiện diện của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị quyết số 222/2025/QH15 chỉ được thành lập 01 hiện diện tại Trung tâm tài chính theo một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 222/2025/QH15.

2. Ngân hàng thành viên không được mở rộng mạng lưới hoạt động; không được chuyển địa điểm đặt trụ sở ra ngoài ranh giới địa lý của Trung tâm tài chính.

Điều 5. Trách nhiệm của ngân hàng thành viên trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng

Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn tiền gốc, lãi của khoản tiền gửi theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật và không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam. Các trách nhiệm khác của ngân hàng thành viên trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại thành viên

1. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại thành viên được quy định tại Điều lệ và phải là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc).

2. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại thành viên phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành ngân hàng thương mại thành viên đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại thành viên.

3. Ngân hàng thương mại thành viên phải thông báo cho Cơ quan điều hành tại thành phố về người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại thành viên trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật. Cơ quan điều hành tại thành phố cập nhật vào Hệ thống đăng ký và công nhận thành viên.

Điều 7. Cung cấp thông tin

1. Ngân hàng thành viên phải cung cấp đầy đủ thông tin cho khách hàng, hướng dẫn, khuyến cáo để khách hàng nhận thức và tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến khả năng chi trả của ngân hàng thành viên đối với khoản tiền gửi của khách hàng tại ngân hàng thành viên trong toàn bộ thời hạn gửi tiền. Việc cung cấp thông tin, hướng dẫn, khuyến cáo cho khách hàng phải được quy định tại quy định nội bộ của ngân hàng thành viên.

2. Ngân hàng thành viên có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến khách hàng trong hoạt động cấp tín dụng và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng Việt Nam và ngân hàng là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước.

3. Ngân hàng thành viên có trách nhiệm báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 98 Nghị định này.

4. Các nội dung khác về cung cấp thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 8. Áp dụng pháp luật tại Trung tâm tài chính

1. Trong trường hợp Nghị định này không có quy định điều chỉnh, thành viên thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật về Trung tâm tài chính, quy định

hiện hành của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên và pháp luật có liên quan.

2. Ngân hàng thành viên thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng các nội dung sau:

a) Áp dụng tập quán thương mại;

b) Sử dụng từ ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng;

c) Quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh;

d) Quyền hoạt động ngân hàng;

đ) Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng;

e) Bảo mật thông tin;

g) An toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục;

h) Hành vi bị nghiêm cấm;

i) Lưu trữ hồ sơ tín dụng;

k) Giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng;

l) Yêu cầu bảo đảm an toàn giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.

3. Việc áp dụng quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại Nghị định này thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Không áp dụng các quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước vềtrách nhiệm báo cáo; trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị liên quan; quy định về cấp phép hoạt động ngoại hối;

b) Quy trình xử lý hồ sơ cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Chương II
GIẤY PHÉP CỦA NGÂN HÀNG THÀNH VIÊN

Điều 9. Cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép

1. Cơ quan điều hành tại thành phố thực hiện:

a) Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thành viên;

b) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thành viên;

c) Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thành viên.

2. Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thành viên đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thành viên.

3. Cơ quan điều hành hướng dẫn Mẫu Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thành viên, trong đó phải có tối thiểu các nội dung về tên gọi ngân hàng thành viên, tên chủ sở hữu hoặc ngân hàng mẹ, địa chỉ trụ sở, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ, nội dung hoạt động của ngân hàng thành viên.

Thời hạn Giấy phép là thời hạn hoạt động của ngân hàng thành viên, tối đa không quá 99 năm.

4. Cơ quan điều hành tại thành phố cập nhật vào Hệ thống đăng ký và công nhận thành viên đối với các thông tin về cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép; thông tin về việc bổ nhiệm, thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại thành viên; bổ nhiệm, thay đổi thông tin Tổng giám đốc (Giám đốc) của Chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên; thông tin về chủ sở hữu hoặc ngân hàng mẹ, thay đổi chủ sở hữu của ngân hàng thương mại thành viên; các thông tin liên quan khác của ngân hàng thành viên.

Điều 10. Vốn pháp định

1. Ngân hàng thành viên tuân thủ quy định của pháp luật về mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu tương đương mức vốn pháp định.

2. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định bằng vốn điều lệ cộng lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, trừ lỗ lũy kế chưa xử lý được phản ánh trên sổ sách kế toán.

3. Ngân hàng thành viên theo dõi, đánh giá giá trị thực của vốn điều lệ và định kỳ báo cáo Cơ quan giám sát như sau:

a) Đối với ngân hàng thành viên có kỳ lập báo cáo tài chính năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12:

Chậm nhất đến ngày 15 tháng 7 và 15 tháng 01 hằng năm, báo cáo giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm cuối ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12;

b) Đối với ngân hàng thành viên có kỳ lập báo cáo tài chính năm kết thúc khác ngày 31 tháng 12:

Chậm nhất đến ngày 15 của tháng đầu tiên kỳ kế toán quý thứ nhất và kỳ kế toán quý thứ ba, báo cáo giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm ngày cuối cùng của kỳ kế toán quý liền kề trước đó;

c) Trường hợp giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo nêu tại điểm a và điểm b khoản này chưa bao gồm các bút toán điều chỉnh của kiểm toán độc lập (nếu có), ngân hàng thành viên bổ sung vào kỳ lập báo cáo tài chính quý tiếp theo.

Điều 11. Xử lý khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định

1. Khi giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thành viên giảm thấp hơn mức vốn pháp định, ngân hàng thành viên phải:

a) Báo cáo chủ sở hữu, ngân hàng mẹ khi giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thành viên giảm thấp hơn mức vốn pháp định; xây dựng và tự triển khai thực hiện phương án xử lý để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu tương đương mức vốn pháp định;

b) Trong thời gian tối đa 30 ngày khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định, phải có văn bản báo cáo phương án xử lý và cam kết thực hiện phương án gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Cơ quan giám sát, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

b.1) Giá trị thực của vốn điều lệ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

b.2) Nguyên nhân giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định;

b.3) Các biện pháp bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động;

c) Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp xử lý theo yêu cầu của Cơ quan giám sát (nếu có).

2. Các biện pháp Cơ quan giám sát áp dụng để xử lý khi vốn điều lệ của ngân hàng thành viên giảm thấp hơn vốn pháp định:

a) Đánh giá, kiểm tra, thanh tra hoặc yêu cầu ngân hàng thành viên thuê tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của ngân hàng thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về kiểm toán độc lập. Cơ quan giám sát căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán để đánh giá giá trị thực của vốn điều lệ tại phương án xử lý do ngân hàng thành viên báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các biện pháp xử lý của ngân hàng thành viên khi giá trị thực của vốn điều lệ thấp hơn mức vốn pháp định nêu tại phương án quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp cần thiết;

c) Giám sát, thanh tra việc tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp tại phương án xử lý, các biện pháp xử lý theo yêu cầu của Cơ quan giám sát.

3. Trách nhiệm của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ khi giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thành viên giảm thấp hơn mức vốn pháp định:

a) Chủ sở hữu, ngân hàng mẹ phải thực hiện hỗ trợ ngân hàng thành viên khắc phục tình trạng giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày xảy ra tình trạng này;

b) Hết thời hạn hỗ trợ của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ quy định tại điểm a khoản này mà ngân hàng thành viên không khắc phục được tình trạng giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định thì ngân hàng thành viên phải giải thể, chấm dứt hoạt động, thanh lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước

1. Có vốn điều lệ tối thiểu tương đương mức vốn pháp định.

2. Chủ sở hữu là ngân hàng thương mại trong nước đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị tối thiểu tương đương hai lần mức vốn pháp định. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm liền kề trước năm đề nghị;

b) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Chương VII Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng trước tháng đề nghị;

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động tại quý liền kề trước thời điểm đề nghị;

d) Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

đ) Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc;

e) Tại thời điểm đề nghị, chủ sở hữu có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

g) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;

h) Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

i) Được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng do Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận;

k) Có tổng tài sản được xếp hạng vào nhóm ngân hàng thương mại có quy mô lớn theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

l) Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 05 năm liền kề trước năm đề nghị.

3. Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 30 Nghị định này.

4. Điều lệ phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng. Chủ sở hữu phải có văn bản cam kết về các nội dung nêu trên khi gửi Đề án thành lập, phương án kinh doanh cho Cơ quan điều hành tại thành phố.

6. Chủ sở hữu phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước; bảo đảm ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và tuân thủ các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này.

Điều 13. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài

1. Có vốn điều lệ tối thiểu tương đương mức vốn pháp định.

2. Chủ sở hữu là ngân hàng nước ngoài được hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi đặt trụ sở chính, đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi chủ sở hữu đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm được xem xét cấp Giấy phép;

b) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor's hoặc Moody's hoặc Fitch Ratings.

Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm này từ mức ổn định trở lên;

c) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm được xem xét cấp Giấy phép;

d) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

đ) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi chủ sở hữu đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi chủ sở hữu đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm được xem xét cấp Giấy phép.

3. Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 30 Nghị định này.

4. Điều lệ phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng. Chủ sở hữu phải có văn bản cam kết về các nội dung nêu trên khi gửi Đề án thành lập, phương án kinh doanh cho Cơ quan điều hành tại thành phố.

6. Hoạt động dự kiến thực hiện của ngân hàng thương mại thành viên phải là hoạt động mà chủ sở hữu đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu đặt trụ sở chính.

7. Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi chủ sở hữu đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước hoặc Cơ quan điều hành hoặc Cơ quan giám sát về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của chủ sở hữu.

8. Chủ sở hữu phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài; bảo đảm ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này.

Điều 14. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên

1. Có vốn điều lệ tối thiểu tương đương mức vốn pháp định.

2. Ngân hàng mẹ là ngân hàng nước ngoài được hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi đặt trụ sở chính, đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm được xem xét cấp Giấy phép;

b) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody’s) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings.

Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm này từ mức ổn định trở lên;

c) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm được xem xét cấp Giấy phép;

d) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm được xem xét cấp Giấy phép;

đ) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

3. Tổng giám đốc (Giám đốc) có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 43 Nghị định này.

4. Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng. Ngân hàng mẹ phải có văn bản cam kết về các nội dung nêu trên khi gửi Đề án thành lập, phương án kinh doanh cho Cơ quan điều hành tại thành phố.

5. Hoạt động dự kiến thực hiện của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên phải là hoạt động mà ngân hàng mẹ đang được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính.

6. Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước hoặc Cơ quan điều hành hoặc Cơ quan giám sát về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của ngân hàng mẹ.

7. Ngân hàng mẹ phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này.

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép

Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành.

Điều 16. Thời hạn cấp Giấy phép

1. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan điều hành tại thành phố cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thành viên.

2. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Cơ quan điều hành tại thành phố phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 17. Lệ phí cấp Giấy phép

Việc nộp phí, lệ phí liên quan việc cấp phép thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 222/2025/QH15.

Điều 18. Công bố thông tin về khai trương hoạt động

Ngân hàng thành viên phải công bố trên ít nhất 01 phương tiện truyền thông của Trung tâm tài chính và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp và trên 01 báo điện tử của Việt Nam ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động các thông tin sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở của ngân hàng thành viên.

2. Số, ngày cấp Giấy phép.

3. Vốn điều lệ của ngân hàng thành viên.

4. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên.

5. Chủ sở hữu của ngân hàng thương mại thành viên, ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên.

6. Ngày dự kiến khai trương hoạt động.

Điều 19. Điều kiện khai trương hoạt động

1. Ngân hàng thành viên được cấp Giấy phép chỉ được tiến hành hoạt động kể từ ngày khai trương hoạt động.

2. Để khai trương hoạt động, ngân hàng thành viên được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã gửi Cơ quan điều hành tại thành phố Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Có đủ vốn điều lệ. Vốn điều lệ phải được gửi đầy đủ vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động. Vốn điều lệ được giải tỏa khi ngân hàng thành viên đã khai trương hoạt động;

c) Có cơ cấu tổ chức quản lý, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ phù hợp với loại hình hoạt động theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, quy mô hoạt động;

đ) Có quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ; quy định nội bộ về quản lý rủi ro;

e) Có trụ sở đảm bảo thuận tiện giao dịch với khách hàng;

g) Đã công bố thông tin về khai trương hoạt động theo quy định tại Điều 18 của Nghị định này.

3. Ngân hàng thành viên phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì Giấy phép đã cấp hết hiệu lực. Cơ quan điều hành tại thành phố công bố trên 01 phương tiện truyền thông tại Trung tâm tài chính về việc Giấy phép hết hiệu lực.

4. Ngân hàng thành viên được cấp Giấy phép phải thông báo cho Cơ quan điều hành tại thành phố về điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động. Cơ quan điều hành tại thành phố đình chỉ việc khai trương hoạt động khi ngân hàng thành viên không đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 20. Sử dụng Giấy phép

1. Ngân hàng thành viên được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong Giấy phép.

2. Ngân hàng thành viên được cấp Giấy phép không được tẩy xóa, sửa chữa, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép.

Điều 21. Những thay đổi phải được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận

1. Ngân hàng thành viên phải được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thủ tục thay đổi một trong những nội dung sau đây:

a) Tên, địa điểm đặt trụ sở của ngân hàng thành viên;

b) Mức vốn điều lệ;

c) Nội dung, thời hạn hoạt động;

d) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng;

đ) Mua, bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu tại ngân hàng thương mại thành viên. Chủ sở hữu mới của ngân hàng thương mại thành viên phải đáp ứng điều kiện đối với chủ sở hữu quy định tại khoản 2 Điều 12 hoặc khoản 2 Điều 13 Nghị định này.

2. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này và việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành.

3. Khi được chấp thuận thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, ngân hàng thành viên phải thực hiện thủ tục sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung thay đổi đã được chấp thuận quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này đối với trường hợp ngân hàng thương mại thành viên;

b) Công bố nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận trên ít nhất 01 phương tiện truyền thông của Trung tâm tài chính và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp và trên 01 báo điện tử của Việt Nam.

Chương III
TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA NGÂN HÀNG THÀNH VIÊN

Mục 1
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THÀNH VIÊN

Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng thương mại thành viên

Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng thương mại thành viên bao gồm Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

Điều 23. Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu của ngân hàng thương mại thành viên

1. Chủ sở hữu có các quyền sau đây:

a) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng thành viên và ghi trong Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên, nhưng không ít hơn 05 thành viên;

b) Bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền với nhiệm kỳ không quá 05 năm để thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định của Nghị định này. Người đại diện theo ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 30 Nghị định này;

c) Bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

d) Quyết định thay đổi mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên;

đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của ngân hàng thương mại thành viên;

e) Quyết định giải thể, yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng thương mại thành viên;

g) Quyết định mức thù lao, lương, thưởng, lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

2. Chủ sở hữu có các nghĩa vụ sau đây:

a) Góp vốn đầy đủ và đúng thời hạn như đã cam kết;

b) Không được chuyển nhượng một phần phần vốn góp tại ngân hàng thương mại thành viên;

c) Tuân thủ Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên;

d) Xác định và tách biệt giữa tài sản của chủ sở hữu với tài sản của ngân hàng thương mại thành viên;

đ) Tuân thủ pháp luật trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng, giao dịch khác giữa ngân hàng thương mại thành viên và chủ sở hữu;

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên.

Điều 24. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của ngân hàng thương mại thành viên

1. Tuân thủ pháp luật, quyết định của chủ sở hữu, Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên.

2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của ngân hàng thương mại thành viên và chủ sở hữu ngân hàng thương mại thành viên.

3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ngân hàng thương mại thành viên, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ngân hàng thương mại thành viên để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của ngân hàng thương mại thành viên và chủ sở hữu của ngân hàng thương mại thành viên.

4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại thành viên theo quy định của Nghị định này.

5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của ngân hàng thương mại thành viên để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của ngân hàng thương mại thành viên, hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của Cơ quan giám sát.

6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của ngân hàng thương mại thành viên.

7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ngân hàng thương mại thành viên về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ngân hàng thương mại thành viên và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.

8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của ngân hàng thương mại thành viên với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của ngân hàng thương mại thành viên.

9. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan đó. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra.

10. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên.

Điều 25. Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại thành viên

1. Hội đồng thành viên là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh ngân hàng thương mại thành viên để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của ngân hàng thương mại thành viên, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu.

2. Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu; nhân danh ngân hàng thương mại thành viên thực hiện quyền, nghĩa vụ của ngân hàng thương mại thành viên; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Nghị định này và Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên.

3. Trường hợp Hội đồng thành viên có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ngân hàng thương mại thành viên phải bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.

4. Hội đồng thành viên có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng thành viên quy định.

5. Nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên và thành viên khác của Hội đồng thành viên được quy định tại

Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên nhưng không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

6. Hội đồng thành viên sử dụng con dấu của ngân hàng thương mại thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

7. Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tối thiểu phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng thành viên quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban phù hợp với quy định tại Điều 26 Nghị định này.

8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên; quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên của Hội đồng thành viên do Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên quy định phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 26. Cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự của ngân hàng thương mại thành viên

1. Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự phải có tối thiểu 03 thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên khác do Hội đồng thành viên quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định nội bộ và Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên và phải đảm bảo mỗi Ủy ban có ít nhất trên một phần hai tổng số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. Một thành viên Hội đồng thành viên chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban.

2. Khi thành lập các Ủy ban, Hội đồng thành viên phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, ngân hàng thương mại thành viên gửi các quy định này tới Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát để báo cáo.

Điều 27. Ban kiểm soát ngân hàng thương mại thành viên

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên và nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng thành viên.

2. Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại thành viên có tối thiểu 03 thành viên. Số lượng thành viên của Ban kiểm soát do Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên quy định.

3. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của Trưởng Ban kiểm soát và thành viên khác của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên nhưng không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ngân hàng thương mại thành viên phải bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát do Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên quy định phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định tại Điều 52, Điều 53, Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng. Đối với quy định tại khoản 13 Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng, Ban kiểm soát kịp thời báo cáo Cơ quan điều hành tại thành phố và Cơ quan giám sát.

Điều 28. Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên

1. Chủ sở hữu bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) với nhiệm kỳ không quá 05 năm.

2. Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất của ngân hàng thương mại thành viên, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, chủ sở hữu về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

3. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), chủ sở hữu của ngân hàng thương mại thành viên phải bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc).

4. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) do Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên quy định phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định tại Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 29. Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên

1. Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa điểm đặt trụ sở;

b) Nội dung hoạt động;

c) Thời hạn hoạt động;

d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ;

đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc);

e) Thể thức bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc);

g) Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch của chủ sở hữu;

h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu;

i) Người đại diện theo pháp luật;

k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;

l) Thể thức thông qua quyết định của ngân hàng thương mại thành viên; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;

n) Các trường hợp, thủ tục giải thể;

o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

2. Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên phải gửi Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông qua.

Điều 30. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định này;

b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 31 Nghị định này;

c) Có trình độ từ đại học trở lên;

d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng không là thành viên, ngân hàng thương mại thành viên; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình ngân hàng thương mại; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng Việt Nam,

ngân hàng thành viên; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Không phải là người có liên quan của người quản lý ngân hàng thương mại thành viên đó;

đ) Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng không là thành viên, ngân hàng thương mại thành viên; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình ngân hàng thương mại và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này; đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định này;

b) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

d) Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với những người dự kiến được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên; thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên mà chưa có thời gian công tác tại Việt Nam không bao gồm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 33 Nghị định này.

Điều 31. Về đánh giá có đạo đức nghề nghiệp

1. Những người thuộc trường hợp sau đây được đánh giá là không đảm bảo có đạo đức nghề nghiệp:

a) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra, kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng Việt Nam, ngân hàng thành viên bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

b) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra, kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng Việt Nam, ngân hàng thành viên bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Người bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

d) Người phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn, phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật nêu tại kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà kiến nghị liên quan đến các vi phạm đó chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc khắc phục, chỉnh sửa.

2. Đối với những người không thuộc khoản 1 Điều này, trong quá trình công tác tại tổ chức tín dụng Việt Nam, ngân hàng thành viên, phải đáp ứng các quy

định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng Việt Nam, ngân hàng thành viên đó ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ của ngân hàng thành viên, trừ trường hợp cấp Giấy phép lần đầu mà chưa ban hành quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

3. Đối với những người có thời gian công tác tại tổ chức tín dụng nước ngoài, chủ sở hữu của ngân hàng thương mại thành viên và những người này phải có cam kết đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng nước ngoài đó ban hành (nếu có).

4. Việc đánh giá có đạo đức nghề nghiệp đối với những người dự kiến được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên; thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) mà chưa có thời gian công tác tại Việt Nam không bao gồm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 32. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên

1. Danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên phải được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên phải thuộc danh sách đã được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận.

2. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành.

3. Ngân hàng thương mại thành viên phải thông báo cho Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát danh sách người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên; thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm.

Điều 33. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên:

a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng không là thành viên, ngân hàng thương mại thành viên bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không là thành viên, ngân hàng thương mại thành viên theo quy định tại Điều 37 Nghị định này và Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng không là thành viên, ngân hàng thương mại thành viên đó bị thu hồi Giấy phép;

đ) Người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên đó, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định này;

e) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng Việt Nam, ngân hàng thành viên bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng của ngân hàng thành viên:

a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;

đ) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên.

e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam.

g) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thành viên.

3. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thành viên và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của ngân hàng thành viên đó.

4. Các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ đối với người dự kiến được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên; thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên mà chưa có thời gian công tác tại Việt Nam không bao gồm quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 34. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại thành viên không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại thành viên đó và tổ chức tín dụng không là thành viên khác, ngân hàng thương mại thành viên khác, người quản lý doanh nghiệp khác tại Việt Nam.

2. Thành viên Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại thành viên không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Người điều hành ngân hàng thương mại thành viên đó, trừ trường hợp là Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên đó;

b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng không là thành viên khác, ngân hàng thương mại thành viên khác, người quản lý doanh nghiệp khác tại Việt Nam, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành của chủ sở hữu của ngân hàng thương mại thành viên đó;

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng không là thành viên khác, ngân hàng thương mại thành viên khác, doanh nghiệp khác tại Việt Nam.

3. Thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại thành viên không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Người quản lý, người điều hành của ngân hàng thương mại thành viên đó, tổ chức tín dụng không là thành viên khác, ngân hàng thương mại thành viên khác, doanh nghiệp khác tại Việt Nam; nhân viên của ngân hàng thương mại thành viên đó;

b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại thành viên là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó tại Việt Nam.

4. Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng không là thành viên khác, ngân hàng thương mại thành viên khác, doanh nghiệp khác tại Việt Nam, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên là người quản lý, người điều hành của chủ sở hữu của ngân hàng thương mại thành viên đó.

Điều 35. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 33 Nghị định này;

b) Không còn là người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu của ngân hàng thương mại thành viên;

c) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) Khi ngân hàng thương mại thành viên đó bị thu hồi Giấy phép;

đ) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc) hết hiệu lực;

e) Chết.

2. Trừ trường hợp ngân hàng thương mại thành viên bị thu hồi Giấy phép, Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại thành viên phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 35 Nghị định này, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại thành viên;

b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 30 Nghị định này;

d) Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại thành viên phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Cơ quan điều hành tại thành phố và Cơ quan giám sát.

Điều 37. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và người điều hành của ngân hàng thương mại thành viên

1. Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành của ngân hàng thương mại thành viên vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 24 Nghị định này, quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Điều 34 Nghị định này hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 30 Nghị định này; yêu cầu chủ sở hữu miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại thành viên.

Điều 38. Cung cấp, công bố công khai thông tin

1. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại thành viên phải cung cấp cho ngân hàng thương mại thành viên các thông tin sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải gửi ngân hàng thương mại thành viên bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. Ngân hàng thương mại thành viên phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở của ngân hàng thương mại thành viên và gửi báo cáo bằng văn bản cho Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng thương mại thành viên nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, ngân hàng thương mại thành viên công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại thành viên.

4. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 39. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Ngân hàng thương mại thành viên xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo chính sách của chủ sở hữu và phù hợp với quy định của Nghị định này về tổ chức, quản trị, điều hành.

2. Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát có quyền yêu cầu ngân hàng thương mại thành viên thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết.

Điều 40. Kiểm toán nội bộ

1. Ngân hàng thương mại thành viên phải thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát để thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ.

2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của ngân hàng thương mại thành viên; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm ngân hàng thương mại thành viên hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại thành viên.

Điều 41. Kiểm toán độc lập

Trước khi kết thúc năm tài chính, ngân hàng thương mại thành viên phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.

Mục 2
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI THÀNH VIÊN

Điều 42. Cơ cấu tổ chức quản lý của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên

Cơ cấu tổ chức quản lý của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên do ngân hàng mẹ quyết định và tuân thủ quy định của Nghị định này về tổ chức,

quản trị, điều hành; quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán độc lập tại Điều 39 và Điều 41 Nghị định này; việc kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của ngân hàng mẹ.

Điều 43. Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên

1. Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước thành viên là người đại diện cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên và điều hành hoạt động hằng ngày theo quyền, nghĩa vụ phù hợp với quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên.

2. Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên không được đồng thời là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng Việt Nam, ngân hàng thương mại thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên và tổ chức kinh tế khác tại Việt Nam.

3. Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định này. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên phải được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên mà chưa có thời gian công tác tại Việt Nam không bao gồm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 33 Nghị định này và không bao gồm quy định đánh giá có đạo đức nghề nghiệp tại khoản 1, khoản 2 Điều 31 Nghị định này.

5. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên có thời gian công tác tại tổ chức tín dụng nước ngoài thì ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên và người này phải cam kết đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng nước ngoài đó ban hành (nếu có).

6. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành.

7. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên phải thông báo Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát danh sách người được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm.

8. Việc công bố, cung cấp thông tin liên quan đến Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định này.

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên do ngân hàng mẹ quyết định và có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Cơ quan điều hành tại thành phố và Cơ quan giám sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.

2. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 45. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách của Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 33 của Nghị định này;

b) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Khi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó bị thu hồi Giấy phép;

d) Khi văn bản bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng mẹ hết hiệu lực và không được bổ nhiệm lại;

đ) Chết.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này (trừ trường hợp bị thu hồi giấy phép) gửi Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 46. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên

1. Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 24, khoản 2 Điều 43 Nghị định này hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định này; yêu cầu ngân hàng mẹ miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THÀNH VIÊN

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THÀNH VIÊN

Điều 47. Nội dung hoạt động của ngân hàng thành viên

1. Ngân hàng thành viên thực hiện nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác được ghi trong Giấy phép cấp cho từng ngân hàng thành viên.

2. Ngân hàng thành viên được thực hiện các hoạt động quy định tại Mục 2, Mục 3 Chương này. Ngân hàng thành viên chỉ được thực hiện các hoạt động khác ngoài các hoạt động quy định tại Mục 2, Mục 3 Chương này theo hướng dẫn của Hội đồng điều hành theo quy định tại khoản 4 Điều 113 Nghị định này.

3. Ngân hàng thành viên thực hiện các hoạt động tại Mục 2, Mục 3 Chương này theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ, trừ khoản 19, 21 Điều 51; khoản 9, 10, 11, 13 Điều 52; khoản 1, 7, 8, 9, 11, 13 Điều 53; khoản 5, 6, 7, 9 Điều 54; khoản 7 Điều 55; khoản 4, 17 Điều 57; khoản 4, 11 Điều 58; khoản 1, 2, 5, 9, 11 Điều 59; khoản 5, 9 Điều 60; khoản 7 Điều 61 Nghị định này.

4. Ngân hàng thành viên thực hiện các hoạt động tại Mục 2, Mục 3 Chương này bằng ngoại tệ, trừ khoản 16 Điều 51, khoản 12, 13 Điều 52; khoản 9, 10, 11 Điều 53; khoản 5, điểm b khoản 6 và khoản 8, 9 Điều 54; khoản 6, 7 Điều 55; khoản 14 Điều 57; khoản 10, 11 Điều 58; khoản 7, 8, 9 Điều 59; khoản 5, điểm b khoản 6, khoản 8, 9 Điều 60; khoản 6, 7 Điều 61 Nghị định này.

5. Các hoạt động quy định tại Chương này phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối tại Chương VIII Nghị định này.

Điều 48. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thành viên

1. Ngân hàng thành viên được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thành viên.

2. Ngân hàng thành viên và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của ngân hàng thành viên theo quy định của pháp luật đối với hoạt động cấp tín dụng tại Mục 2, Mục 3 Chương này.

3. Ngân hàng thành viên được quyền ấn định và niêm yết công khai mức lãi suất tiền gửi đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và doanh nghiệp thành viên.

Điều 49. Quy định nội bộ

1. Ngân hàng thành viên phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ đối với hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng thành viên quy định tại Chương này, bao gồm cả việc thực hiện hoạt động nghiệp vụ bằng phương tiện điện tử, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.

2. Ngân hàng thành viên phải ban hành quy định nội bộ về các nội dung sau đây:

a) Cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng;

b) Phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;

c) Đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;

d) Quản lý thanh khoản, trong đó có thủ tục và giới hạn quản lý thanh khoản;

đ) Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của ngân hàng thành viên;

e) Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với ngân hàng thành viên phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;

g) Quản trị rủi ro trong hoạt động của ngân hàng thành viên;

h) Phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

i) Phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.

3. Ngân hàng thành viên phải xây dựng và gửi cho Cơ quan điều hành tại thành phố, Cơ quan giám sát:

a) Quy định nội bộ tại khoản 1, 2 Điều này khi lập hồ sơ cấp Giấy phép;

b) Quy định nội bộ có liên quan tại khoản 1 Điều này khi đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động tại Giấy phép;

c) Quy định nội bộ tại khoản 1, 2 Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Điều 50. Cấp tín dụng hợp vốn

1. Ngân hàng thành viên thực hiện cấp tín dụng hợp vốn theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cấp tín dụng hợp vốn của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp cấp tín dụng hợp vốn chỉ có sự tham gia của ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên, tổ chức tín dụng nước ngoài đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam thì được thỏa thuận thực hiện theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ.

Mục 2
HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 100% VỐN NƯỚC NGOÀI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI THÀNH VIÊN

Điều 51. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên được thực hiện các hoạt động với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn theo quy định tại khoản 9 Điều này, nhận tiền gửi có kỳ hạn.

2. Gửi tiền tại tổ chức tín dụng nước ngoài.

3. Vay, cho vay.

4. Chiết khấu.

5. Bảo lãnh ngân hàng.

6. Bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán.

7. Nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

8. Phát hành thẻ tín dụng.

9. Mở tài khoản thanh toán, cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

10. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng nước ngoài.

11. Giao dịch giữa các loại ngoại tệ với nhau (sau đây gọi là giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ). Không được thực hiện giao dịch giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ.

12. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

13. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh ngoại hối, không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

14. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

15. Cung ứng dịch vụ môi giới tiền tệ cho tổ chức tín dụng nước ngoài.

16. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, không bao gồm trái phiếu do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành.

17. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài.

18. Mua, bán trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài.

19. Phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quy định tại Điều 87 Nghị định này.

20. Bán nợ.

21. Ủy thác, nhận ủy thác trong hoạt động ngân hàng với tổ chức tín dụng nước ngoài theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ và đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Ủy thác những nội dung mà ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên được thực hiện trong phạm vi Giấy phép, phù hợp với quy định tại Chương này. Bên nhận ủy thác chỉ được nhận ủy thác đối với những nội dung ủy thác mà bên nhận ủy thác được thực hiện;

b) Nhận ủy thác thực hiện những nội dung mà ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên được thực hiện trong phạm vi Giấy phép, phù hợp với quy định tại Chương này.

22. Cung cấp dịch vụ tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác phù hợp với phạm vi hoạt động quy định tại Giấy phép được Cơ quan điều hành tại thành phố cấp. Giải pháp, phương án tư vấn phải được thực hiện bởi chính ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên hoặc ngân hàng thành viên khác phù hợp với phạm vi hoạt động được cấp tại Giấy phép do Cơ quan điều hành tại thành phố cấp cho ngân hàng thành viên.

23. Làm đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài.

24. Cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

Điều 52. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên được thực hiện các hoạt động với doanh nghiệp thành viên

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn theo quy định tại khoản 8 Điều này, nhận tiền gửi có kỳ hạn.

2. Cho vay.

3. Chiết khấu.

4. Bảo lãnh ngân hàng.

5. Bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán.

6. Nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

7. Phát hành thẻ tín dụng.

8. Mở tài khoản thanh toán, cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

9. Giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối. Không được thực hiện giao dịch giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ.

10. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

11. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa của ngân hàng thương mại; không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

12. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, không bao gồm trái phiếu do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành.

13. Mua, bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam theo quy định của pháp luật về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương.

14. Bán nợ.

15. Cung cấp dịch vụ tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác phù hợp với phạm vi hoạt động quy định tại Giấy phép được Cơ quan điều hành tại thành phố cấp. Giải pháp, phương án tư vấn phải được thực hiện bởi chính ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên hoặc ngân hàng thành viên khác phù hợp với phạm vi hoạt động được cấp tại Giấy phép do Cơ quan điều hành tại thành phố cấp cho ngân hàng thành viên.

16. Cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

Điều 53. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên được thực hiện các hoạt động với ngân hàng thành viên

1. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá phát hành bằng ngoại tệ theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ của bên cho vay, gửi tiền, mua giấy tờ có giá hoặc của bên vay, nhận tiền gửi, bán giấy tờ có giá theo thỏa thuận giữa hai bên.

2. Bảo lãnh ngân hàng.

3. Bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán.

4. Nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

5. Phát hành thẻ tín dụng.

6. Mở tài khoản thanh toán, cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

7. Giao dịch ngoại tệ:

a) Giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ theo quy định sau:

a.1) Ngân hàng thành viên được lựa chọn pháp luật áp dụng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối hoặc theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ, trừ quy định tại điểm a.2 khoản này;

a.2) Ngân hàng thành viên thực hiện giao dịch phù hợp với phạm vi giao dịch áp dụng cho giao dịch giữa các tổ chức tín dụng Việt Nam được phép hoạt động ngoại hối với nhau theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối;

b) Không được thực hiện giao dịch giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ.

8. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

9. Cung ứng dịch vụ môi giới tiền tệ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hoạt động môi giới tiền tệ.

10. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, không bao gồm trái phiếu do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành.

11. Mua, bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam theo quy định của pháp luật về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương.

12. Mua, bán nợ.

13. Ủy thác, nhận ủy thác trong hoạt động ngân hàng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ và đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại khoản 21 Điều 51 Nghị định này.

14. Cung cấp dịch vụ tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác phù hợp với phạm vi hoạt động quy định tại Giấy phép được Cơ quan điều hành tại thành phố cấp. Giải pháp, phương án tư vấn phải được thực hiện bởi chính ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên hoặc ngân hàng thành viên khác phù hợp với phạm vi hoạt động được cấp tại Giấy phép do Cơ quan điều hành tại thành phố cấp cho ngân hàng thành viên.

15. Cung ứng dịch vụ ngân quỹ, dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

Điều 54. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên được thực hiện các hoạt động với tổ chức tín dụng Việt Nam

1. Cho vay.

2. Bảo lãnh ngân hàng:

a) Bảo lãnh ngân hàng cho tổ chức tín dụng Việt Nam;

b) Là khách hàng được tổ chức tín dụng Việt Nam cấp bảo lãnh ngân hàng:

Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên được tổ chức tín dụng Việt Nam cấp bảo lãnh ngân hàng trong trường hợp bên nhận bảo lãnh là cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam hoặc trong

trường hợp ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên ký quỹ đủ 100% giá trị bảo lãnh;

Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên thực hiện bảo lãnh đối ứng đối với tổ chức tín dụng Việt Nam trong trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam cấp bảo lãnh cho doanh nghiệp thành viên là khách hàng của ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên mà bên nhận bảo lãnh là cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam hoặc ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên ký quỹ đủ 100% giá trị bảo lãnh;

Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên được tổ chức tín dụng Việt Nam xác nhận bảo lãnh trong trường hợp ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên cấp bảo lãnh cho doanh nghiệp thành viên mà bên nhận bảo lãnh là cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam hoặc ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên ký quỹ đủ 100% giá trị bảo lãnh.

3. Bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán.

4. Nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

5. Mở tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tại ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên theo quy định pháp luật về mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về sử dụng tài khoản đồng Việt Nam của người không cư trú.

6. Giao dịch ngoại tệ:

a) Giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ phù hợp với phạm vi giao dịch của tổ chức tín dụng Việt Nam với tổ chức tài chính nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

b) Giao dịch giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ phù hợp với phạm vi giao dịch của tổ chức tín dụng Việt Nam với khách hàng là người không cư trú theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

7. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

8. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, không bao gồm trái phiếu do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành.

9. Mua, bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam theo quy định của pháp luật về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương. Không được bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam phát hành bằng ngoại tệ, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh phát hành bằng ngoại tệ, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam phát hành bằng ngoại tệ.

10. Mua nợ.

Điều 55. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên được thực hiện các hoạt động với tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là tổ chức tín dụng Việt Nam

1. Cho vay.

2. Chiết khấu.

3. Bảo lãnh ngân hàng.

4. Bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán.

5. Nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

6. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, không bao gồm trái phiếu do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành.

7. Mua, bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam theo quy định của pháp luật về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương; bao gồm cả việc mua trên thị trường sơ cấp. Không được bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam phát hành bằng ngoại tệ, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh phát hành bằng ngoại tệ, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam phát hành bằng ngoại tệ.

Điều 56. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên tham gia hệ thống thanh toán quốc tế

Tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế mà chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đã là thành viên.

Mục 3
HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 100% VỐN TRONG NƯỚC

Điều 57. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được thực hiện các hoạt động với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn theo quy định tại khoản 9 Điều này, nhận tiền gửi có kỳ hạn.

2. Gửi tiền tại tổ chức tín dụng nước ngoài.

3. Vay.

4. Cho vay theo quy định tại khoản 2 Điều 88 và Điều 89 Chương VIII Nghị định này.

5. Bảo lãnh ngân hàng.

6. Bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán.

7. Nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

8. Phát hành thẻ tín dụng.

9. Mở tài khoản thanh toán, cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

10. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng nước ngoài.

11. Giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ phù hợp với phạm vi hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế tại Giấy phép của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ. Không thực hiện giao dịch giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ.

12. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

13. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa,không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

14. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, không bao gồm trái phiếu do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành.

15. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài.

16. Mua, bán trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài.

17. Phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quy định tại Điều 87 Nghị định này.

18. Bán nợ.

19. Cung cấp dịch vụ tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác phù hợp với phạm vi hoạt động quy định tại Giấy phép được Cơ quan điều hành tại thành phố cấp. Giải pháp, phương án tư vấn phải được thực hiện bởi chính ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước hoặc ngân hàng thành viên khác phù hợp với phạm vi hoạt động được cấp tại Giấy phép do Cơ quan điều hành tại thành phố cấp cho ngân hàng thành viên.

20. Làm đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài.

21. Cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

Điều 58. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được thực hiện các hoạt động với doanh nghiệp thành viên

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn theo quy định tại khoản 6 Điều này, nhận tiền gửi có kỳ hạn.

2. Cho vay theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú, mà không phải áp dụng quy định về các nhu cầu vay vốn bằng ngoại tệ, trình tự, thủ tục chấp thuận cho vay vốn bằng ngoại tệ.

3. Chiết khấu.

4. Bảo lãnh ngân hàng, bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng theo tập quán thương mại quy định tại Điều 3 Luật Các tổ chức tín dụng.

5. Phát hành thẻ tín dụng.

6. Mở tài khoản thanh toán, cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

7. Giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối. Không thực hiện giao dịch giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ.

8. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

9. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

10. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, không bao gồm trái phiếu do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành.

11. Mua, bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam theo quy định của pháp luật về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương.

12. Bán nợ.

13. Cung cấp dịch vụ tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác phù hợp với phạm vi hoạt động quy định tại Giấy phép được Cơ quan điều hành tại thành phố cấp. Giải pháp, phương án tư vấn phải được thực hiện bởi chính ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước hoặc ngân hàng thành viên khác phù hợp với phạm vi hoạt động được cấp tại Giấy phép do Cơ quan điều hành tại thành phố cấp cho ngân hàng thành viên.

14. Cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

Điều 59. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được thực hiện các hoạt động với ngân hàng thành viên

1. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá phát hành bằng ngoại tệ theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ của bên cho vay, gửi tiền, mua giấy tờ có giá hoặc của bên vay, nhận tiền gửi, bán giấy tờ có giá theo thỏa thuận giữa hai bên.

2. Bảo lãnh ngân hàng, bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng theo tập quán thương mại quy định tại Điều 3 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Phát hành thẻ tín dụng.

4. Mở tài khoản thanh toán, cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

5. Giao dịch ngoại tệ:

a) Giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ theo quy định sau:

a.1) Ngân hàng thành viên được lựa chọn pháp luật áp dụng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối hoặc theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ, trừ quy định tại điểm a.2 khoản này;

a.2) Ngân hàng thành viên thực hiện giao dịch phù hợp với phạm vi giao dịch áp dụng cho giao dịch giữa các tổ chức tín dụng Việt Nam được phép hoạt động ngoại hối với nhau theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối;

b) Không được thực hiện giao dịch giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ.

6. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

7. Cung ứng dịch vụ môi giới tiền tệ.

8. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, không bao gồm trái phiếu do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành.

9. Mua, bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam theo quy định của pháp luật về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương.

10. Mua, bán nợ.

11. Ủy thác, nhận ủy thác trong hoạt động ngân hàng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ và đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại khoản 21 Điều 51 Nghị định này.

12. Cung cấp dịch vụ tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác phù hợp với phạm vi hoạt động quy định tại Giấy phép được Cơ quan điều hành tại thành phố cấp. Giải pháp, phương án tư vấn phải được thực hiện bởi chính ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước hoặc ngân hàng thành viên khác phù hợp với phạm vi hoạt động được cấp tại Giấy phép do Cơ quan điều hành tại thành phố cấp cho ngân hàng thành viên.

13. Cung ứng dịch vụ ngân quỹ, dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

Điều 60. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được thực hiện các hoạt động với tổ chức tín dụng Việt Nam

1. Cho vay.

2. Bảo lãnh ngân hàng:

a) Bảo lãnh ngân hàng cho tổ chức tín dụng Việt Nam;

b) Là khách hàng được tổ chức tín dụng Việt Nam cấp bảo lãnh ngân hàng:

Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được tổ chức tín dụng Việt Nam cấp bảo lãnh ngân hàng trong trường hợp bên nhận bảo lãnh là cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam hoặc trong trường hợp ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước ký quỹ đủ 100% giá trị bảo lãnh;

Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước thực hiện bảo lãnh đối ứng đối với tổ chức tín dụng Việt Nam trong trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam cấp

bảo lãnh cho doanh nghiệp thành viên là khách hàng của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước mà bên nhận bảo lãnh là cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam hoặc ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước ký quỹ đủ 100% giá trị bảo lãnh;

Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được tổ chức tín dụng Việt Nam xác nhận bảo lãnh trong trường hợp ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước cấp bảo lãnh cho doanh nghiệp thành viên mà bên nhận bảo lãnh là cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam hoặc ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước ký quỹ đủ 100% giá trị bảo lãnh.

3. Bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán.

4. Nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

5. Mở tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tại ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên theo quy định pháp luật về mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về sử dụng tài khoản đồng Việt Nam của người không cư trú.

6. Giao dịch ngoại tệ:

a) Giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ phù hợp với phạm vi giao dịch của tổ chức tín dụng Việt Nam với tổ chức tài chính nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối;

b) Giao dịch giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ phù hợp với phạm vi giao dịch của tổ chức tín dụng Việt Nam với khách hàng là người không cư trú theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

7. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, không bao gồm các giao dịch phái sinh liên quan đến đồng Việt Nam.

8. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, không bao gồm trái phiếu do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành.

9. Mua, bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam theo quy định của pháp luật về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa

phương. Không được bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam phát hành bằng ngoại tệ, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh phát hành bằng ngoại tệ, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam phát hành bằng ngoại tệ.

10. Mua nợ.

Điều 61. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được thực hiện các hoạt động với tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là tổ chức tín dụng Việt Nam

1. Cho vay.

2. Chiết khấu.

3. Bảo lãnh ngân hàng.

4. Bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán.

5. Nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

6. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, không bao gồm trái phiếu do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành.

7. Mua, bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam theo quy định của pháp luật về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương; bao gồm cả việc mua trên thị trường sơ cấp. Không được bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam phát hành bằng ngoại tệ, trái phiếu Chính phủ Việt Nam bảo lãnh phát hành bằng ngoại tệ, trái phiếu chính quyền địa phương Việt Nam phát hành bằng ngoại tệ.

Điều 62. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước tham gia hệ thống thanh toán quốc tế

Tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế mà chủ sở hữu đã là thành viên.

Chương V
CÁC HẠN CHẾ ĐỂ BẢO ĐẢM AN TOÀN HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THÀNH VIÊN

Điều 63. Những trường hợp không được cấp tín dụng

1. Ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán không được cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân sau đây:

a) Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo

quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại đó; chủ sở hữu của ngân hàng thương mại đó; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó; ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó;

b) Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại đó; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.

2. Ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán không được cấp tín dụng cho khách hàng trên cơ sở bảo đảm của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán không được bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào để ngân hàng thành viên khác, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng Việt Nam cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán tuân thủ những trường hợp không được cấp tín dụng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ.

4. Ngân hàng thành viên không được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng không là thành viên.

5. Việc cấp tín dụng quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều này bao gồm cả hoạt động mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 64. Hạn chế cấp tín dụng

1. Ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho cá nhân, tổ chức sau đây:

a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại ngân hàng đó; người ra quyết định thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động đoàn thanh tra đang thanh tra tại chính ngân hàng đó;

b) Kế toán trưởng của ngân hàng đó;

c) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó;

d) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại ngân hàng đó.

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này không được vượt quá 05% vốn tự có của ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán.

3. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải được Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại thành viên không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán thông qua, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Việc cấp tín dụng phải được công khai trong ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán.

4. Hội đồng thành viên (đối với ngân hàng thương mại thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc) (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên) của ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán quy định tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này mà Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) phải thông qua theo quy định nội bộ của ngân hàng thành viên.

5. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều này phát hành.

6. Ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải báo cáo cho:

a) Chủ sở hữu, người quản lý, người điều hành của ngân hàng thương mại đó; ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó khi phát sinh khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Cơ quan giám sát về các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán tuân thủ quy định về hạn chế cấp tín dụng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ.

Điều 65. Giới hạn cấp tín dụng

1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 10% vốn tự có của ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán.

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm khoản cho vay từ nguồn vốn ủy thác mà ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán nhận ủy thác không chịu rủi ro hoặc trường hợp khách hàng vay là ngân hàng thành viên.

3. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do khách hàng, người có liên quan của khách hàng đó phát hành.

4. Giới hạn và điều kiện cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp của ngân hàng thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định này.

5. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó vượt quá giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này thì ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán được cấp tín dụng hợp vốn theo quy định tại Điều 50 Nghị định này và không được cấp tín dụng vượt quá giới hạn.

6. Ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ giới hạn cấp tín dụng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó vượt quá giới hạn cấp tín dụng, ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán được cấp tín dụng hợp vốn theo quy định tại Điều 50 Nghị định này và không được cấp tín dụng vượt quá giới hạn theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ.

7. Ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán tính toán giới hạn cấp tín dụng dựa trên vốn của chính ngân hàng đó.

Điều 66. Tỷ lệ bảo đảm an toàn

1. Ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:

a) Tỷ lệ an toàn vốn:

a.1) Ngân hàng thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ quy định tại các điểm a.2, a.3, a.4, a.5 khoản này;

a.2) Ngân hàng được thực hiện theo phương pháp xếp hạng nội bộ cho rủi ro tín dụng sau khi được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận. Trong giai đoạn chuyển đổi sang phương pháp xếp hạng nội bộ, ngân hàng phải gửi đến Cơ quan điều hành tại thành phố báo cáo đánh giá của tổ chức kiểm toán độc lập và báo cáo của ngân hàng kèm tài liệu có liên quan trước ngày 15 tháng 4 hằng năm;

a.3) Ngân hàng được mua lại và hoàn trả phần vốn gốc của công cụ bổ sung vốn cấp 1 sau khi được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận;

a.4) Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận các đề nghị tại điểm a.2, điểm a.3 thực hiện theo quy định của Cơ quan điều hành;

a.5) Khi tính rủi ro tín dụng đối tác, rủi ro thị trường, giá trị giao dịch, giá trị tài sản cơ sở phải được lấy theo giá trị thị trường (mark to market). Trường hợp không có giá trị thị trường, ngân hàng phải tính toán giá trị theo các dữ liệu thị

trường (mark to model) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của phương pháp tính toán, đồng thời báo cáo Cơ quan giám sát trước khi thực hiện. Cơ quan giám sát yêu cầu ngân hàng sửa đổi phương pháp tính toán trong trường hợp cần thiết;

b) Tỷ lệ khả năng chi trả (tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày) bằng đồng đô la Mỹ và các ngoại tệ khác được quy đổi sang đô la Mỹ theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Các cấu phần, các tỷ lệ áp dụng tương tự như đối với đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán không phải tuân thủ tỷ lệ khả năng chi trả bằng đồng Việt Nam;

c) Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu được Chính phủ Việt Nam bảo lãnh theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác ngoài các tỷ lệ tại điểm a, b, c khoản này thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán tuân thủ tỷ lệ bảo đảm an toàn theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ, trong đó tối thiểu bao gồm các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây: Tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ đòn bẩy (Leverage Ratio - LEV), tỷ lệ khả năng chi trả (Liquidity Coverage Ratio - LCR), tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (Net Stable Funding Ratio - NSFR).

3. Căn cứ kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra của Cơ quan giám sát đối với ngân hàng thành viên, trong trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng thành viên, tùy theo tính chất, mức độ rủi ro, Cơ quan giám sát yêu cầu ngân hàng thành viên thực hiện một hoặc một số tỷ lệ bảo đảm an toàn chặt chẽ hơn so với mức quy định tại chính sách ngân hàng thành viên đang áp dụng.

4. Ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán không phải tuân thủ tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu được Chính phủ Việt Nam bảo lãnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Ngân hàng thành viên không phải tuân thủ trạng thái ngoại tệ tối đa so với vốn tự có theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 67. Quản lý, xử lý việc không đảm bảo tỷ lệ khả năng chi trả

1. Ngân hàng thành viên phải theo dõi và quản lý để đảm bảo tuân thủ tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định tại Điều 66 Nghị định này.

2. Trường hợp kết quả tính toán tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày của ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán, kết quả tính toán tỷ lệ khả năng chi trả (LCR) của ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán không đảm bảo theo quy định tại Điều 66 Nghị định này thì thực hiện như sau:

a) Ngân hàng thành viên phải áp dụng ngay các biện pháp tự xử lý để đảm bảo tỷ lệ khả năng chi trả;

b) Cơ quan giám sát xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với việc ngân hàng thành viên không đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 66 Nghị định này.

3. Ngân hàng thành viên hàng ngày phải báo cáo Cơ quan giám sát tỷ lệ khả năng chi trả. Trước 10 giờ sáng ngày hôm sau, ngân hàng thành viên phải có văn bản gửi cho Cơ quan giám sát báo cáo tỷ lệ khả năng chi trả thiếu hụt tạm thời (nếu có) và các biện pháp đã thực hiện để bù đắp thiếu hụt.

Điều 68. Điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp

1. Ngân hàng không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán được cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ.

3. Căn cứ kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra của Cơ quan giám sát đối với ngân hàng thành viên, trong trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng thành viên, tùy theo tính chất, mức độ rủi ro, Cơ quan giám sát yêu cầu ngân hàng thành viên thực hiện giới hạn chặt chẽ hơn so với mức quy định tại chính sách ngân hàng thành viên đang áp dụng.

Điều 69. Phân loại tài sản có

1. Ngân hàng áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán, ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước thực hiện phân loại tài sản có theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ.

2. Đối với ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực

quốc tế về kế toán thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, trừ quy định tại các khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên có ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán được áp dụng chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng mẹ để phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro sau khi được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận.

4. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán được thực hiện phân loại tài sản có và cam kết ngoại bảng theo phương pháp định tính sau khi được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận các đề nghị tại khoản 3, khoản 4 Điều này theo quy định của Cơ quan điều hành.

Điều 70. Kinh doanh bất động sản

Ngân hàng thành viên không được kinh doanh bất động sản, trừ trường hợp mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở, địa điểm làm việc của ngân hàng thành viên và đảm bảo tuân thủ tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định theo quy định tại khoản 3 Điều 144 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Chương VI
XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ TÀI SẢN BẢO ĐẢM CỦA NGÂN HÀNG THÀNH VIÊN

Điều 71. Nợ xấu

Nợ xấu được áp dụng các quy định tại Chương này như sau:

1. Nợ xấu của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán bao gồm:

a) Nợ xấu đang hạch toán trong báo cáo tình hình tài chính theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2. Nợ xấu của ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán được xác định theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ.

Điều 72. Nguyên tắc xử lý nợ xấu

Ngân hàng thành viên và các bên có liên quan được quyền tự chủ trong việc lựa chọn phương thức xử lý nợ xấu, bao gồm: thu hồi nợ, cơ cấu lại khoản nợ, bán nợ và các phương thức khác phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 73. Nguyên tắc xử lý tài sản bảo đảm

Việc xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 222/2025/QH15, Nghị định này và quy định của pháp luật dân sự.

Chương VII
THU HỒI GIẤY PHÉP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CỦA NGÂN HÀNG THÀNH VIÊN

Điều 74. Các trường hợp ngân hàng thành viên gặp sự cố

1. Ngân hàng thành viên gặp sự cố khi thuộc một hoặc một số trường hợp sau đây:

a) Số lỗ lũy kế của ngân hàng thành viên lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ (quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế và được ghi nhận trong khoản mục vốn chủ sở hữu) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn;

b) Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục;

c) Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 06 tháng liên tục.

d) Bị rút tiền hàng loạt. Rút tiền hàng loạt là việc ngân hàng thành viên bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến ngân hàng thành viên có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả. Việc xác định có nguy cơ mất khả năng chi trả, mất khả năng chi trả của ngân hàng thành viên thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng thành viên phải kịp thời báo cáo Cơ quan giám sát, chủ sở hữu, ngân hàng mẹ khi gặp sự cố theo một hoặc một số trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 75. Khắc phục khi gặp sự cố

1. Ngân hàng thành viên phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến đối với các trường hợp gặp sự cố quy định tại Điều 74 Nghị định này, trong đó phải bao gồm các nội dung hỗ trợ của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ.

2. Phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này phải được chủ sở hữu, ngân hàng mẹ phê duyệt trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ngân hàng thành viên được cấp Giấy phép và gửi Cơ quan giám sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được chủ sở hữu, ngân hàng mẹ phê duyệt.

3. Định kỳ ít nhất 02 năm, ngân hàng thành viên cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này. Phương án sau cập nhật, điều chỉnh phải được gửi Cơ quan giám sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được chủ sở hữu, ngân hàng mẹ phê duyệt.

4. Khi ngân hàng thành viên gặp sự cố theo một hoặc một số trường hợp quy định tại Điều 74 Nghị định này, Cơ quan giám sát có văn bản yêu cầu ngân hàng thành viên:

a) Xác định nguyên nhân dẫn đến việc gặp sự cố và cập nhật, thực hiện ngay phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này. Phương án khắc phục được cập nhật phải được gửi Cơ quan giám sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được chủ sở hữu, ngân hàng mẹ phê duyệt;

b) Trường hợp ngân hàng thành viên chưa có phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này, ngân hàng thành viên phải khẩn trương xác định nguyên nhân dẫn đến việc gặp sự cố, xây dựng phương án khắc phục và tiến hành thực hiện ngay phương án. Phương án khắc phục phải được gửi Cơ quan giám sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được chủ sở hữu, ngân hàng mẹ phê duyệt.

5. Trường hợp ngân hàng thành viên đã khắc phục được sự cố, ngân hàng thành viên có văn bản báo cáo Cơ quan giám sát về việc đã khắc phục được sự cố.

Điều 76. Trách nhiệm của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ khi ngân hàng thành viên gặp sự cố

1. Chủ sở hữu, ngân hàng mẹ phải thực hiện hỗ trợ ngân hàng thành viên khắc phục sự cố quy định tại Điều 74 Nghị định này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày xảy ra sự cố.

2. Hết thời hạn hỗ trợ của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ quy định tại khoản 1 Điều này mà ngân hàng thành viên không khắc phục được được sự cố thì phải giải thể, chấm dứt hoạt động, thanh lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

3. Ngân hàng mẹ có nghĩa vụ thực hiện cam kết theo quy định tại Điều 14 Nghị định này nếu trong quá trình thanh lý tài sản, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

4. Chủ sở hữu, ngân hàng mẹ có trách nhiệm phê duyệt phương án khắc phục theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định này do ngân hàng thành viên xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ngân hàng thành viên được cấp Giấy phép; phê duyệt phương án khắc phục được cập nhật định kỳ hoặc đột xuất.

Điều 77. Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động của ngân hàng thành viên

1. Không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.

2. Bị thu hồi Giấy phép.

3. Tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Cơ quan điều hành tại thành phố chấp thuận bằng văn bản.

4. Gặp sự cố và không khắc phục được sự cố sau khi được chủ sở hữu, ngân hàng mẹ hỗ trợ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày xảy ra sự cố.

5. Không khắc phục được tình trạng giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày xảy ra tình trạng này.

Điều 78. Thanh lý tài sản trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động

1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Nghị định này, ngân hàng thành viên phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Cơ quan điều hành tại thành phố và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Cơ quan điều hành quy định.

2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của ngân hàng thương mại thành viên bị giải thể, nếu phát hiện ngân hàng thương mại thành viên không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Cơ quan điều hành tại thành phố quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và ngân hàng thương mại thành viên phải thực hiện thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 80 Nghị định này.

3. Ngân hàng thành viên bị thanh lý tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

4. Trong quá trình thanh lý tài sản, nếu chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, ngân hàng mẹ có nghĩa vụ thực hiện cam kết quy định tại khoản 3 Điều 76 Nghị định này.

Điều 79. Thu hồi Giấy phép

1. Cơ quan điều hành tại thành phố thu hồi Giấy phép trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép;

b) Ngân hàng thương mại thành viên giải thể, phá sản; chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên giải thể;

c) Ngân hàng thành viên hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép;

d) Ngân hàng thành viên vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động;

đ) Ngân hàng thành viên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;

e) Ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động.

2. Quyết định thu hồi Giấy phép được Cơ quan điều hành tại thành phố công bố trên 01 phương tiện truyền thông của Trung tâm tài chính.

3. Ngân hàng thành viên bị thu hồi Giấy phép phải chấm dứt hoạt động kinh doanh kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép của Cơ quan điều hành tại thành phố có hiệu lực.

4. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành.

Điều 80. Phá sản ngân hàng thương mại thành viên

1. Ngân hàng thương mại thành viên phải thực hiện thủ tục phá sản khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Ngân hàng thương mại thành viên mất khả năng thanh toán. Việc xác định ngân hàng thương mại thành viên mất khả năng thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về phá sản;

b) Ngân hàng thương mại thành viên thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 78 Nghị định này.

2. Ngân hàng thương mại thành viên khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản và thực hiện việc phá sản theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành, quy định của pháp luật Việt Nam về phá sản doanh nghiệp.

Chương VIII
QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

Mục 1
NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

Điều 81. Nguyên tắc minh bạch dòng tiền

1. Thành viên, nhà đầu tư nước ngoài và các bên liên quan trong các giao dịch chuyển tiền thực hiện hoạt động nêu tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 84 Nghị định này có trách nhiệm ghi rõ mục đích của giao dịch chuyển tiền để ngân hàng thành viên cung ứng dịch vụ tài khoản có cơ sở đối chiếu, kiểm tra, lưu giữ chứng từ và thực hiện giao dịch.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 82. Kiểm tra chứng từ

Ngân hàng thành viên khi thực hiện các giao dịch ngoại hối cho khách hàng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, lưu trữ các giấy tờ và các chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật; xây dựng và tự chịu trách nhiệm về nội dung của quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý rủi ro đối với hoạt động ngoại hối.

Điều 83. Thẩm quyền hướng dẫn, tiếp nhận thông tin khai báo, xử lý thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi về quản lý ngoại hối

1. Cơ quan điều hành có thẩm quyền ban hành:

a) Hướng dẫn khai báo khoản vay nước ngoài, khoản cho vay ra nước ngoài của thành viên; hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay từ thành viên của bên đi vay trong nước;

b) Hướng dẫn khai báo liên quan đến chuyển tiền đầu tư từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của thành viên; hướng dẫn về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài;

c) Hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký mua, bán trái phiếu phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.

2. Cơ quan điều hành tại thành phố tiếp nhận thông tin khai báo khoản vay nước ngoài, khoản cho vay ra nước ngoài, khoản vay từ thành viên của bên đi vay trong nước, xử lý thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay từ thành viên của bên đi vay trong nước; tiếp nhận thông tin khai báo liên quan đến chuyển tiền đầu tư từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của thành viên, đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài, cấp giấy chứng nhận đăng ký tự doanh mua, bán trái phiếu phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.

Mục 2
MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN

Điều 84. Sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng thành viên

1. Doanh nghiệp thành viên sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ theo nguyên tắc sau:

a) Sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại một ngân hàng thành viên (tài khoản vốn của doanh nghiệp thành viên) cho các mục đích sau đây:

a.1) Vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam;

a.2) Cho vay đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và bên đi vay trong nước;

a.3) Đầu tư từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài;

a.4) Đầu tư từ Trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam.

b) Sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thành viên cho các mục đích sử dụng khác ngoài mục đích quy định tại điểm a khoản này.

2. Ngân hàng thành viên được sử dụng tài khoản thanh toán mở tại chính ngân hàng thành viên hoặc mở tại ngân hàng thành viên khác để thực hiện các hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, không phải mở và sử dụng tài khoản vốn.

3. Nhà đầu tư nước ngoài phải sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại một ngân hàng thành viên (tài khoản vốn của nhà đầu tư nước ngoài) để thực hiện giao dịch đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính.

4. Tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam được sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn sử dụng tài khoản ngoại tệ, tài khoản đồng Việt Nam của người cư trú, người không cư trú tại ngân hàng được phép.

5. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc sử dụng tài khoản quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này.

Điều 85. Sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của doanh nghiệp thành viên tại ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên

Doanh nghiệp thành viên được sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn sử dụng tài khoản ngoại tệ, tài khoản đồng Việt Nam của người cư trú, người không cư trú tại ngân hàng được phép.

Mục 3
SỬ DỤNG NGOẠI TỆ CỦA THÀNH VIÊN

Điều 86. Quy định về sử dụng ngoại tệ của thành viên

1. Ngân hàng thành viên được thực hiện giao dịch thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá bằng ngoại tệ đối với các hoạt động, dịch vụ cung cấp cho khách hàng phù hợp với phạm vi hoạt động theo quy định tại Chương IV Nghị định này.

2. Doanh nghiệp thành viên được thực hiện giao dịch thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá bằng ngoại tệ đối với các hoạt động, dịch vụ cung cấp cho:

a) Thành viên khác, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam;

b) Cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định pháp luật hiện hành về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Việc thanh toán, chuyển tiền giữa các thành viên phải thực hiện thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng thành viên.

Mục 4
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY CỦA THÀNH VIÊN

Điều 87. Nguyên tắc vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam

Thành viên được vay vốn bằng ngoại tệ từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và phải thực hiện khai báo thông tin, tuân thủ chế độ báo cáo.

Điều 88. Nguyên tắc cho vay ra nước ngoài

1. Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ được cho cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam vay vốn và phải thực hiện khai báo thông tin, tuân thủ chế độ báo cáo.

2. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải tuân thủ quy định về điều kiện cho vay ra nước ngoài tại Điều 89 Nghị định này và phải thực hiện khai báo thông tin, tuân thủ chế độ báo cáo.

Điều 89. Điều kiện cho vay ra nước ngoài đối với bên cho vay là thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ

1. Bên cho vay là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được cho vay bằng ngoại tệ đối với các đối tượng:

a) Tổ chức được thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam có trên 50% cổ phần, phần vốn góp của thành viên hoặc của doanh nghiệp Việt Nam không là thành viên;

b) Tổ chức được thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam do tổ chức thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% cổ phần, phần vốn góp.

2. Bên cho vay là doanh nghiệp thành viên được cho vay tổ chức được thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam có trên 50% cổ phần, phần vốn góp của bên cho vay hoặc của công ty mẹ của bên cho vay trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Bên cho vay phải đáp ứng các điều kiện về giới hạn cho vay như sau:

a) Giá trị cho vay đối với mỗi dự án đầu tư ở nước ngoài tối đa bằng phần chênh lệch giữa tổng mức vốn đầu tư của dự án đầu tư tại nước ngoài và vốn góp theo ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận vốn đầu tư quy định;

b) Giới hạn tổng dư nợ cho vay ra nước ngoài của bên cho vay tối đa không vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu của bên cho vay được ghi nhận tại báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất hoặc vốn điều lệ của bên cho vay trong trường hợp bên cho vay mới thành lập và chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán;

c) Trường hợp dự án đầu tư ở nước ngoài không thuộc diện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và nước tiếp nhận vốn đầu tư không có văn bản quy định quy mô tổng mức vốn đầu tư và vốn góp của dự án đầu tư tại nước ngoài, bên cho vay phải đảm bảo giới hạn cho vay quy định tại điểm b khoản này.

4. Bên cho vay phải đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ an toàn tài chính (nếu có) trong 3 tháng liền kề trước ngày ký thỏa thuận cho vay đến khi giải ngân khoản cho vay.

5. Bên cho vay có văn bản cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước trong 01 năm liền kề trước năm thực hiện giao dịch cho vay ra nước ngoài (trừ trường hợp năm đầu thành lập).

6. Bên cho vay phải có báo cáo thẩm định khoản cho vay ra nước ngoài được cấp có thẩm quyền của bên cho vay phê duyệt bao gồm nội dung thẩm định dự án cho vay, khả năng quản trị và phòng ngừa rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay ra nước ngoài.

Điều 90. Nguyên tắc cho vay đối với bên đi vay trong nước

Bên đi vay trong nước khi vay từ thành viên phải tuân thủ quy định về điều kiện vay quy định tại Điều 91 Nghị định này và thực hiện khai báo khoản vay, đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay.

Điều 91. Điều kiện vay từ thành viên áp dụng đối với bên đi vay trong nước

1. Bên đi vay trong nước không là tổ chức tín dụng Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Thời hạn vay từ 12 tháng trở lên;

b) Mục đích vay nhằm thực hiện:

b.1) Dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các văn bản khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b.2) Hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với phạm vi hoạt động được phép của bên đi vay trong nước theo phương án sử dụng vốn vay được cấp có thẩm quyền của bên đi vay trong nước phê duyệt;

b.3) Cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài và khoản nợ thành viên của bên đi vay trong nước theo phương án cơ cấu nợ được cấp có thẩm quyền của bên đi vay trong nước phê duyệt.

2. Bên đi vay trong nước là tổ chức tín dụng Việt Nam phải tuân thủ:

a) Khi vay ngắn hạn, bên đi vay trong nước phải đảm bảo tỷ lệ tổng dư nợ gốc của các khoản vay ngắn hạn từ thành viên tính trên vốn tự có riêng lẻ không vượt quá 30% áp dụng đối với bên đi vay là ngân hàng thương mại không là thành viên và 150% áp dụng đối với bên đi vay là chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên, tổ chức tín dụng khác không là thành viên;

b) Khoản vay có thời hạn vay trên 12 tháng phải phục vụ hoạt động cấp tín dụng của bên đi vay trong nước trong đó tối thiểu 50% giá trị khoản vay được sử dụng để cho vay lại dự án đầu tư thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư.

3. Bên đi vay trong nước quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ an toàn tài chính (nếu có) trong giai đoạn 3 tháng liền trước ngày ký thỏa thuận vay, thỏa thuận thay đổi tăng giá trị khoản vay đến khi khai báo hoặc đăng ký khoản vay.

Mục 5
QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO TRUNG TÂM TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ TRUNG TÂM TÀI CHÍNH VÀO PHẦN CÒN LẠI CỦA VIỆT NAM

Điều 92. Nhà đầu tư nước ngoài chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính

Nhà đầu tư nước ngoài phải chuyển tiền thông qua tài khoản vốn của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng thành viên quy định tại khoản 3 Điều 84 Nghị định này khi thực hiện các giao dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính; chuyển vốn, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 93. Thành viên chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam

Khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam theo quy định pháp luật về hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam:

1. Thành viên phải chuyển khoản thông qua tài khoản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 84 Nghị định này.

2. Thành viên là doanh nghiệp phải thực hiện quy định như đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Mục 6
QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ TRUNG TÂM TÀI CHÍNH RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN

Điều 94. Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài

Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ không phải tuân thủ các quy định về đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhưng phải thực hiện chuyển khoản thông qua tài khoản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 84 và thực hiện các quy định về khai báo thông tin, tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 98 Nghị định này.

Điều 95. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài

1. Khi được phép thực hiện hình thức đầu tư liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư, thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải thực hiện như sau:

a) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài với Cơ quan điều hành tại thành phố tại địa phương trước khi chuyển tiền để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài;

b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối với Cơ quan điều hành tại thành phố khi phát sinh thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài;

c) Thực hiện các giao dịch chuyển vốn ra nước ngoài, chuyển vốn đầu tư gốc, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp từ nước ngoài về Trung tâm tài chính thông qua tài khoản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 84 Nghị định này.

2. Khi được phép thực hiện hình thức đầu tư liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài theo quy định của pháp luật, thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải chuyển tiền thông qua tài khoản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 84 Nghị định này.

Điều 96. Điều kiện của ngân hàng thành viên để thực hiện mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành viên không phải thực hiện các quy định về điều kiện để được mua, bán trái phiếu phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, nhưng phải thực hiện các quy định về khai báo thông tin Cơ quan điều hành tại thành phố, sử dụng tài khoản theo quy định tại khoản 2 Điều 84 và chế độ báo cáo quy định tại Điều 98 Nghị định này.

2. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước phải đáp ứng các điều kiện sau để được Cơ quan điều hành tại thành phố cấp giấy chứng nhận đăng ký mua, bán trái phiếu phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài:

a) Có lãi trong 03 năm liên tục liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký mua, bán trái phiếu phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài

được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;

b) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế (trừ trường hợp năm đầu thành lập);

c) Tuân thủ quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng tại Chương V Nghị định này.

3. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ mua, bán trái phiếu phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được cấp phép thực hiện mua, bán trái phiếu phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tuân thủ quy định về tỷ lệ đầu tư an toàn, nguồn vốn để mua, bán trái phiếu phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài trong quá trình thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

4. Hoạt động mua, bán trái phiếu phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước phải đảm bảo không được vượt quá 7% vốn tự có của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định tại Chương V Nghị định này.

5. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước tự cân đối nguồn vốn để mua, bán trái phiếu phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định tại Chương V Nghị định này.

6. Trái phiếu được ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước mua, bán ở nước ngoài phải được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế: Standard & Poor’s, Moody’s và Fitch Ratings.

Mục 7
GIAO DỊCH NGOẠI TỆ CỦA DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN

Điều 97. Giao dịch ngoại tệ của doanh nghiệp thành viên

Doanh nghiệp thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng Việt Nam phù hợp với phạm vi giao dịch của khách hàng là người không cư trú với tổ chức tín dụng Việt Nam theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

Chương IX
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 98. Chế độ báo cáo

1. Cơ quan điều hành chủ trì xây dựng, ban hành quy định báo cáo về hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối và hoạt động khác áp dụng đối với thành viên và các tổ chức có liên quan trên cơ sở thống nhất với Ngân hàng Nhà nước.

2. Thành viên và các tổ chức có liên quan báo cáo về hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối và hoạt động khác theo quy định của Cơ quan điều hành.

Chương X
PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN, PHÒNG CHỐNG TÀI TRỢ KHỦNG BỐ, PHÒNG CHỐNG TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Điều 99. Áp dụng quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Các thành viên là đối tượng báo cáo thực hiện phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Phòng, chống khủng bố và các văn bản hướng dẫn Luật; pháp luật về phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trừ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Việc báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử của các đối tượng báo cáo áp dụng theo chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế theo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền và các văn bản hướng dẫn.

3. Đối tượng báo cáo gửi quy định nội bộ, báo cáo kiểm toán nội bộ về phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt cho Cơ quan giám sát; gửi Báo cáo kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền và đăng ký thông tin về người chịu trách nhiệm, người phụ trách, bộ phận phòng, chống rửa tiền cho Ngân hàng Nhà nước và Cơ quan giám sát.

4. Thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 107 và Điều 114 Nghị định này.

Chương XI
THANH TRA, GIÁM SÁT

Mục 1
THANH TRA

Điều 100. Hoạt động thanh tra

1. Cơ quan giám sát tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất; xử lý vi phạm đối với hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc rủi ro trong hoạt động của thành viên.

2. Cơ quan giám sát chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thanh tra theo quy định pháp luật trong công tác thanh tra hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối của thành viên.

3. Nội dung thanh tra:

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động ngân hàng và hoạt động ngoại hối theo Nghị quyết số 222/2025/QH15, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn, thông lệ quốc tế, quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan, việc thực hiện các quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 101. Biện pháp xử lý vi phạm

Cơ quan giám sát áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm qua thanh tra như sau:

1. Kiến nghị, yêu cầu đối tượng thanh tra có biện pháp hạn chế, giảm thiểu và xử lý rủi ro để bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối và phòng ngừa, ngăn chặn hành động dẫn đến vi phạm pháp luật.

2. Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định pháp luật trong trường hợp có dấu hiệu tội phạm.

3. Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2
GIÁM SÁT

Điều 102. Hoạt động giám sát ngân hàng

1. Giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính là việc Cơ quan giám sát thực hiện thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về đối tượng giám sát tại Trung tâm tài

chính thông qua hệ thống thông tin, báo cáo nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng, vi phạm quy định an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan áp dụng đối với các đối tượng giám sát tại Trung tâm tài chính.

2. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính là Cơ quan giám sát.

3. Đối tượng giám sát tại Trung tâm tài chính là các ngân hàng thành viên.

4. Trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính do Cơ quan giám sát ban hành để thực hiện giám sát ngân hàng theo thông lệ quốc tế, dựa trên rủi ro.

Điều 103. Quyền, nghĩa vụ của đối tượng giám sát

1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Cơ quan giám sát; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Bảo đảm khả năng kết nối, truy cập dữ liệu trực tuyến phục vụ hoạt động giám sát của Cơ quan giám sát.

3. Báo cáo, giải trình đối với khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Cơ quan giám sát.

4. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Cơ quan giám sát.

5. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 104. Nội dung giám sát ngân hàng

1. Thu thập, tổng hợp và xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu theo yêu cầu giám sát.

2. Theo dõi tình hình chấp hành các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng tại Trung tâm tài chính; việc thực hiện khuyến nghị, cảnh báo về giám sát ngân hàng.

3. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của ngân hàng thành viên.

4. Phát hiện, cảnh báo rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng và nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về hoạt động ngân hàng và quản lý ngoại hối.

5. Kiến nghị, đề xuất biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý rủi ro, vi phạm pháp luật.

Điều 105. Xử lý đối tượng giám sát

1. Đối tượng giám sát vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào kết quả giám sát, tuỳ theo tính chất, mức độ rủi ro, Cơ quan giám sát thực hiện:

a) Cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát;

b) Tiến hành thanh tra, kiểm tra đối tượng giám sát hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thanh tra thực hiện thanh tra, kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu rủi ro, không an toàn trong hoạt động;

c) Lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển cơ quan có thẩm quyền để xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Cơ quan giám sát có quyền yêu cầu ngân hàng thành viên thuê công ty kiểm toán do Cơ quan giám sát chỉ định thực hiện kiểm toán hoặc dịch vụ khác để đánh giá một phần hoặc toàn bộ nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động và tài chính của ngân hàng khi xét thấy cần thiết để đánh giá thực trạng tài chính, hoạt động và mức độ an toàn, lành mạnh của ngân hàng thành viên. Chi phí thuê tổ chức kiểm toán độc lập do ngân hàng thành viên chi trả;

đ) Các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 106. Phối hợp trong giám sát

1. Cơ quan giám sát chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để trao đổi thông tin về giám sát hoạt động của đối tượng giám sát. Định kỳ hằng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu thực tế, Cơ quan giám sát gửi Ngân hàng Nhà nước thông tin, kết quả tình hình thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính để phối hợp quản lý, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

Cơ quan giám sát trao đổi thông tin và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc giám sát hoạt động của đối tượng giám sát. Cơ quan giám sát thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về hình thức, nội dung, cơ chế trao đổi thông tin và phối hợp giám sát phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

2. Cơ quan điều hành chủ trì, phối hợp với Cơ quan giám sát xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn việc quản lý, giám sát hoạt động ngân hàng trong Trung tâm tài chính.

3. Cơ quan giám sát chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong phạm vi thẩm quyền được giao thực hiện hoạt động giám sát, phòng ngừa và xử lý các vi phạm về tiền tệ, ngân hàng của cơ quan, cá nhân, tổ chức tại Trung tâm tài chính.

4. Ngân hàng Nhà nước và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; phối hợp, trao đổi thông tin và hỗ trợ Cơ quan giám sát thực hiện hoạt động giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính đảm bảo an toàn, thông suốt, hiệu quả trong phạm vi thẩm quyền được giao theo quy định tại Nghị định này, Nghị định về thành lập Trung tâm tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương XII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 107. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

1. Trường hợp đặc biệt để đảm bảo an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các bộ, ngành liên quan để thực hiện các biện pháp sau:

a) Đình chỉ, tạm đình chỉ một, một số hoặc toàn bộ hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thành viên;

b) Hạn chế đối tượng giao dịch, đồng tiền giao dịch đối với từng hoạt động cụ thể của ngân hàng thành viên;

c) Các biện pháp khác.

2. Ngân hàng Nhà nước không thực hiện cho vay đặc biệt, các nghiệp vụ ngân hàng trung ương như quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Ngân hàng Nhà nước bao gồm: tái cấp vốn, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, mua bán ngoại tệ đối với ngân hàng thành viên.

3. Ngân hàng Nhà nước không thực hiện can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, xếp hạng ngân hàng thành viên.

4. Tiếp nhận các báo cáo và giám sát đối tượng báo cáo trong việc thực hiện báo cáo quy định tại các Điều 25, Điều 26 và Điều 34 của Luật Phòng, chống rửa tiền; phối hợp cung cấp thông tin giám sát cho Cơ quan giám sát để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về phòngchống rửa tiền tại Trung tâm tài chính.

5. Phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, địa phương liên quan, Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát, Cơ quan giải quyết tranh chấp để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Nghị định này.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 112 Nghị định này.

Điều 108. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Quản lý nhà nước trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Đầu mối hướng dẫn về chế độ tài chính, hạch toán, kế toán của ngân hàng thành viên.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 112 Nghị định này.

Điều 109. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Bộ Công an trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát thực hiện quản lý nhà nước về phòng chống tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 112 Nghị định này.

Điều 110. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Bộ Quốc phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát thực hiện quản lý nhà nước về phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 112 Nghị định này.

Điều 111. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng

Phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chỉ đạo Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát trong thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định này.

Điều 112. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngân hàng thành viên theo quy định của pháp luật.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát thực hiện quản lý nhà nước về quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này và pháp luật phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 113. Trách nhiệm của Cơ quan điều hành

1. Hội đồng điều hành có trách nhiệm ban hành hoặc giao tại Quy chế hoạt động của Trung tâm tài chính cho Cơ quan điều hành tại thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn quy định tại khoản 3 Điều 9, Điều 15, khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 32, khoản 6 Điều 43, điểm a.4 khoản 1 Điều 66, khoản 5 Điều 69, khoản 1 Điều 78, khoản 4 Điều 79, khoản 2 Điều 80, khoản 1 Điều 83, Điều 98 và khoản 2 Điều 106 Nghị định này.

2. Hội đồng điều hành chủ trì, phối hợp với Cơ quan giám sát, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan xây dựng và ban hành quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin về hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối, phòng, chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính; Cơ quan điều hành thực hiện cung cấp, chia sẻ thông tin theo quy chế và theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, cơ quan có thẩm quyền.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan giám sát và các cơ quan có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Hội đồng điều hành hướng dẫn hoạt động của ngân hàng thành viên ngoài các hoạt động quy định tại Mục 2, Mục 3 Chương IV Nghị định này sau khi thống nhất với Ngân hàng Nhà nước.

5. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này.

Điều 114. Trách nhiệm của Cơ quan giám sát

1. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với hoạt động ngân hàng, ngoại hối, phòng chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính theo quy định tại Nghị định này.

2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng và các cơ quan có liên quan trong công tác thanh tra, giám sát và trao đổi, chia sẻ thông tin về kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ngân hàng, ngoại hối, phòng chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Phối hợp với Cơ quan điều hành, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan xây dựng quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin về hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối, phòng, chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố,

phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính; phối hợp với Cơ quan điều hành thực hiện cung cấp, chia sẻ thông tin theo quy chế và theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, cơ quan có thẩm quyền.

4. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này.

Điều 115. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 12 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 116. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính